

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày: 06-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Ất.

Ông Hoàng Công Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Mỹ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/7/2020, 03/8/2020 và ngày 06/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/HSST-QĐ ngày 13/7/2020 đối với bị cáo:

Tô Thị H, sinh năm 1979, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Viết T và bà Nguyễn Thị N; có chồng là anh Đặng Quốc H (đã ly hôn) và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2016; đang tại ngoại - có mặt.

- Bị hại: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1950, Ông Thân Văn M, sinh năm 1943. Cùng địa chỉ: Tổ 7, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Tô Viết C - vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Thị H và bà Đặng Thị L (sinh năm 1950), trú tại: Tổ 7, phường N, thành

phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông có mối quan hệ quen biết. Do cần tiền để kinh doanh nên đầu tháng 2/2017, H đến nhà bà L hỏi vay số tiền 450.000.000 đồng thì bà L yêu cầu H phải có tài sản thế chấp mới đồng ý cho vay. Sau khi bà L nói như vậy, H nảy sinh ý định thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất của em trai mình là anh Tô Viết C tại thôn T, xã Q, thị xã Gia Nghĩa (*nay là tổ dân phố T, phường Q, thành phố Gia Nghĩa*), tỉnh Đắk Nông rồi sử dụng thế chấp cho bà L vay tiền (*thừa đất này anh C lúc này cho H ở nhờ*).

Qua tìm hiểu trên mạng Internet, H biết khu vực bến xe miền Đông, Thành phố Hồ Chí Minh có nơi làm giả giấy tờ, vì vậy hai ngày sau, H lấy bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 807319 do Ủy ban nhân dân thị xã Gia Nghĩa cấp ngày 03/11/2014 cho ông Nguyễn Chí M (*ông M chuyển nhượng lại cho ông Tô Văn N, ông N chuyển nhượng lại cho con trai là anh Tô Viết C*) tại thôn T, xã Q, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (*bản gốc lúc này anh Cường đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần CT Chi nhánh Đắk Nông*) và giấy chứng minh nhân dân của H đem đến khu vực bến xe miền Đông giao cho một đối tượng nam giới (*chưa rõ nhân thân, lai lịch*) thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung tương tự như bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 807319, còn thông tin cá nhân, sổ chứng minh nhân dân của ông M được thay bằng thông tin cá nhân, sổ chứng minh nhân dân của H. H và đối tượng thống nhất giá làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 17.000.000 đồng. Một tuần sau, H đến khu vực bến xe Miền Đông giao tiền và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thuê làm giả.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, Tô Thị H đem đến đưa cho bà Đặng Thị L xem rồi hỏi vay số tiền 450.000.000 đồng và H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L đồng ý. Để đảm bảo, bà L yêu cầu H phải lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng mà H dùng để thế chấp. Ngày 10/02/2017, Hoài cùng anh Đặng Quốc T (*là chồng của H nay đã ly hôn*), bà L và ông Thân Văn M (*là chồng bà L*) đến Văn phòng công chứng Nguyễn V tại phường N, thị xã Gia Nghĩa để xác lập hợp đồng chuyển nhượng với giá 50.000.000 đồng. Cùng ngày, H đến nhà bà L ký vào giấy biên nhận tiền chuyển nhượng đất theo hợp đồng đã công chứng. Ngày 12/02/2017, bà L đưa cho H số tiền 450.000.000 đồng, các bên thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, bà L giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng (*cả hai chỉ trao đổi và thống nhất như trên chứ không lập giấy tờ gì*). Sau khi nhận tiền của bà L, H số tiền trên vào mục đích kinh doanh. Từ tháng 2/2017 đến tháng 6/2017, H đã trả cho bà L số tiền 40.000.000 đồng. Tháng 7/2017, bà L nghe được thông tin H mất khả năng trả nợ nên đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng đã ký với H trước đó cho con trai là anh Thân Văn Y đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Gia Nghĩa làm thủ tục sang tên, qua kiểm tra Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Gia Nghĩa nghi

vấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị làm giả nên đã tạm giữ và chuyển toàn bộ tài liệu đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông để điều tra làm rõ.

Vật chứng của vụ án: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 807319, cấp ngày 03/11/2014 đứng tên Tô Thị H.

Tại Bản kết luận giám định số 82-GĐTL/PC54 ngày 23/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 807319, cấp ngày 03/11/2014 đứng tên Tô Thị H so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*mẫu so sánh*) là không phải do cơ quan Nhà nước phát hành.

Sau khi xảy ra vụ án, bà Đặng Thị L yêu cầu Tô Thị H phải trả cho bà L và ông Thân Văn M số tiền 450.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 27 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa (*nay là thành phố Gia Nghĩa*), tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Tô Thị H về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Tô Thị H thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng không oan nhưng không thừa nhận tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị hại ông Thân Văn M và bà Đặng Thị L; người làm chứng anh Tô Viết C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà L, ông M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nội dung đơn không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm. Anh Tô Viết C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Bị hại và người làm chứng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa xác định không đủ căn cứ kết tội bị cáo Tô Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ khoản 3 Điều 321, khoản 1 Điều 325 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo Tô Thị H theo một phần nội dung bản cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 27 tháng 11 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa cụ thể là tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Tô Thị H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 807319, cấp ngày 03/11/2014 mang tên Tô Thị H.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xác định bị cáo không phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa, Điều tra viên; Cơ quan Viện kiểm sát thành phố Gia Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập hợp pháp được lưu trong hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định: Tô Thị H đã có hành vi thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 807319 mang tên Tô Thị H rồi sử dụng giấy tờ giả này để vay số tiền 450.000.000 đồng của bà Đặng Thị L và ông Thân Văn M. Hành vi của bị cáo Tô Thị H đã phạm vào tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó nhằm lừa dối cơ quan, tổ chức hoặc công dân thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Tuy nhiên tại thời điểm xét xử, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước có sự thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo về hình phạt, được quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật, thì

bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.”

Do vậy, cần áp dụng khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để quyết định hình phạt đối với các bị cáo về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xác định không đủ căn cứ kết tội bị cáo Tô Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hội đồng xét xử xét thấy: H thuê người khác làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình rồi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này với mục đích có tài sản thế chấp để vay số tiền 450.000.000 đồng của bà Đặng Thị L và ông Thân Văn M, việc vay mượn có giấy nhận tiền vào ngày 10/2/2017. Giữa bà L và H xác định hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Sau khi vay từ tháng 2/2017 đến tháng 6/2017, Hoài đã trả cho bà L, ông M 40.000.000 đồng tiền lãi và thời hạn trả nợ vay là ngày 10/02/2018. Như vậy, không đủ căn cứ xác định H có mục đích chiếm đoạt tiền của bà L, ông M và hiện tại H đã trả tiền, phía bà L, ông M cũng không yêu cầu H phải bồi thường gì thêm nên chưa đủ căn cứ vững chắc để xác định H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và cần chấp nhận yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử chỉ xét xử bị cáo Tô Thị H về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Tô Thị H là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, uy tín của cơ quan Nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương và gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nhưng vì mục đích vay tiền để đầu tư kinh doanh bị cáo H đã thuê người khác làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng tài liệu giả này để vay tiền. Do đó, cần áp dụng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm mà bị cáo đã gây ra.

[5] về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản thân bị cáo Tô Thị H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả, phía bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, hiện tại bị cáo đã ly hôn và đang phải nuôi 04 người con, trong đó có con nhỏ nhất sinh năm 2016 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Tô Thị H có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, mà không nhất thiết phải cách ly bóc lột ra khỏi cuộc sống xã hội mà cho

bị cáo được tự học tập, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường nơi bị cáo đang cư trú và gia đình bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Thân Văn M và bà Đặng Thị L đã nhận tiền bồi thường không yêu cầu bị cáo Tô Thị H phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do Tô Thị H hiện tại chưa có tài sản, thu nhập chỉ đủ trang trải cho cuộc sống hàng ngày nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

[9] Tại phiên tòa, qua phần tranh luận, xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Tô Thị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 807319, cấp ngày 03/11/2014 mang tên Tô Thị H không phải là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp nên cần tịch thu và lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[11] Đối với đối tượng mà bị cáo Tô Thị H thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện chưa xác định được thân nhân, lai lịch. Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Đặng Quốc T là người cùng bị cáo Tô Thị H ký vào giấy vay tiền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hiện nay anh T đã đi khỏi địa phương không biết ở đâu, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được vai trò của anh T trong vụ án và có quyết định tách vụ án hình sự, khi nào chứng minh được hành vi của anh Đặng Quốc T và các đối tượng khác sẽ xử lý sau là có căn cứ, đúng pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Tô Thị H phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Tô Thị H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06/8/2020.

Giao Tô Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Tô Thị H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Hoài trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Tô Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 807319, cấp ngày 03/11/2014 mang tên Tô Thị Hoài.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Tô Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Tô Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, tính từ ngày tuyên án.

Bị hại ông Thân Văn M và bà Đặng Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC 06, PC 10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ CA thành phố Gia Nghĩa;
- Công an thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- UBND P. Q;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Quy

